

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

BÀI GIẢNG
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN
CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

(Học phần I)

CHỦ BIÊN: ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
HIỆU CHỈNH: ThS. PHẠM MINH ÁI

Hà Nội - 2016

Chương 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về xã hội; là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại, nhờ đó phát triển và hoàn thiện thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

A. MỤC ĐÍCH

Sinh viên cần nắm vững một số nội dung cơ bản sau:

1. Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.
2. Nội dung cơ bản của quy luật *Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội* và vận dụng nội dung các quy luật vào Việt Nam.
3. Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên và vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội vào xem xét, thực hiện quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
4. Bản chất của vấn đề giai cấp, nhà nước và cách mạng, vấn đề con người và vai trò của quần chúng nhân dân...từ đó hiểu rõ cơ sở lý luận của đấu tranh giai cấp ở Việt nam trong giai đoạn hiện nay và chiến lược con người trong chủ trương đổi mới của Đảng CSVN.

B. NỘI DUNG

3.1. SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

a. Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất

** Sản xuất vật chất*

Sản xuất là hoạt động đặc trưng của con người và xã hội loài người. Đó là quá trình hoạt động có mục đích và luôn luôn sáng tạo của con người. Ăng ghen đã chỉ rõ

- Sản xuất vật chất có vai trò:

+ Là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội. Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người không chỉ thoả mãn với những cái có sẵn trong giới tự nhiên mà còn tạo ra tư liệu sinh hoạt thoả mãn nhu cầu ngày càng phong phú của xã hội như giải quyết vấn đề về ăn, ở, mặc, đi lại ... Do đó, sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn xã hội.

+ Là cơ sở để hình thành các quan hệ xã hội khác như chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo...

+ Sản xuất vật chất còn là cơ sở cho sự biến đổi và phát triển của xã hội, sự tiến bộ xã hội, là điều kiện để phát triển đời sống tinh thần của con người và xã hội

- Phương thức sản xuất có vai trò quyết định đối với trình độ phát triển của nền sản xuất và quá trình biến đổi của toàn bộ đời sống xã hội.

+ Phương thức sản xuất quyết định tính chất cũng như kết cấu của xã hội. Trong mỗi xã hội cụ thể, phương thức sản xuất thống trị như thế nào thì tính chất của chế độ xã hội sẽ như thế ấy. Kết cấu giai cấp, tính chất của mối quan hệ giữa các giai cấp cũng như các quan điểm về chính trị, pháp quyền, đạo đức v.v... suy cho cùng đều do phương thức sản xuất quyết định

+ Khi phương thức sản xuất mới ra đời thay thế phương thức sản xuất cũ lỗi thời thì sớm muộn sẽ có sự thay đổi căn bản từ kết cấu kinh tế đến kết cấu giai cấp; từ các quan điểm chính trị xã hội đến các tổ chức xã hội v.v... Vì vậy, lịch sử xã hội loài người trước hết là lịch sử sản xuất vật chất, của các phương thức sản xuất kế tiếp nhau trong quá trình phát triển

3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

a. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

* *Lực lượng sản xuất và các yếu tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất*

- *Lực lượng sản xuất* biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất. Lực lượng sản xuất thể hiện trình độ, năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất bảo đảm sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

- Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động với kỹ năng và kinh nghiệm lao động của họ và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động.

- Khuynh hướng của sản xuất vật chất xã hội là không ngừng phát triển. Sự phát triển đó xét đến cùng là bắt nguồn từ sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ lao động.

- Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở tất cả các yếu tố của nó:
 - + Trình độ của công cụ lao động
 - + Trình độ của tổ chức lao động xã hội
 - + Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất
 - + Trình độ kinh nghiệm và kỹ năng lao động của con người
 - + Trình độ phân công lao động
- Tính chất của lực lượng sản xuất phát triển từ tính cá nhân lên tính xã hội hóa.

Trong quá trình sản xuất con người luôn có xu hướng muốn tăng năng suất lao động nhưng lại giảm nhẹ sức lao động, từ đó họ tìm cách cải tạo công cụ sản xuất hiện có, chế tạo công cụ sản xuất mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Cùng với sự biến đổi và phát triển của công cụ lao động thì kinh nghiệm sản xuất, thói quen lao động, kỹ năng sản xuất, kiến thức khoa học của con người cũng tiến bộ. Điều đó làm cho lực lượng sản xuất thường xuyên thay đổi, nó trở thành yếu tố động nhất, có tính cách mạng nhất.

- Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất cũng hình thành và biến đổi cho phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp đó là động lực làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. *Nhưng lực lượng sản xuất thường phát triển nhanh, còn quan hệ sản xuất có xu hướng tương đối ổn định.* Khi lực lượng sản xuất phát triển lên một trình độ mới, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, trở thành chướng ngại đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, *sẽ nảy sinh mâu thuẫn gay gắt giữa hai mặt củaphương thức sản xuất.* Sự phát triển khách quan đó tất yếu dẫn đến việc xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, thay thế bằng một kiểu quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Thay quan hệ sản xuất cũ bằng một quan hệ sản xuất mới cũng có nghĩa là làm cho phương thức sản xuất cũ bị mất đi phương thức sản xuất mới cao hơn ra đời, phát triển.

** Quan hệ sản xuất tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất*

Mặc dù lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất nhưng quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối, tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, do đó trong quá trình sản xuất xã hội nó qui định tới: mục đích nền sản xuất xã hội, tới thái độ tích cực hay không tích cực của người lao động, phát triển và áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất

Quan hệ sản xuất tác động đến lực lượng sản xuất theo hai hướng: quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Ngược lại quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất: khi nó lỗi thời, lạc hậu, hoặc tiên tiến một cách giả tạo sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi quan hệ sản xuất kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất thì theo qui luật chung quan hệ sản xuất cũ sẽ được thay thế bằng quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Tuy nhiên việc giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phải thông qua việc nhận thức và hoạt động cải tạo xã hội của con người. Trong xã hội có giai cấp phải thông qua đấu tranh giai cấp, thông qua cách mạng xã hội.

Tóm lại, sự thay thế, phát triển đi lên của lịch sử xã hội loài người từ chế độ công xã nguyên thủy qua chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và đến xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai là sự tác động của các qui luật xã hội, trong đó qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là qui luật cơ bản nhất, nó chi phối các qui luật khác. Nó cũng là cơ sở để giải thích một cách khoa học về nguồn gốc sâu xa của toàn bộ các hiện tượng xã hội và các biến cố trong đời sống chính trị, văn hóa của các cộng đồng người trong lịch sử.

Quá trình đó diễn ra không chỉ trong giai đoạn thay đổi từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác mà còn diễn ra gay trong bản thân mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Sự biến đổi này diễn ra rất phức tạp.

Các bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng luôn có sự thay đổi khác nhau: Những bộ phận phản ánh trực tiếp cơ sở hạ tầng thì thay đổi ngay khi cơ sở hạ tầng thay đổi như nhà nước, quan điểm chính trị, hệ thống chính trị, pháp luật. Song cũng có những bộ phận phản ánh gián tiếp cơ sở hạ tầng lại tồn tại dai dẳng khi cơ sở hạ tầng thay đổi như tôn giáo, nghệ thuật...

- Khi cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới xuất hiện thì kiến trúc thượng tầng mới cũng phải ra đời thay thế cho kiến trúc thượng tầng cũ, hình thái kinh tế - xã hội mới ra đời. Trong xã hội có giai cấp, sự thay đổi của kiến trúc thượng tầng bao giờ cũng phải thông qua đấu tranh giai cấp, thông qua cách mạng xã hội.

b. Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

Với tư cách là hình thức phản ánh và được xác lập do nhu cầu phát triển của kinh tế, các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng có vị trí độc lập tương đối và thường xuyên có vai trò tác động trở lại cơ sở hạ tầng của xã hội

Tất cả các yếu tố của kiến trúc thượng tầng đều có tác động đến cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, mỗi yếu tố khác nhau có vai trò khác nhau, cách thức tác động khác nhau. Trong xã hội có giai cấp, nhà nước là yếu tố có tác động mạnh nhất đến cơ sở hạ tầng vì nó là bộ máy bạo lực tập trung của giai cấp thống trị về kinh tế. Các yếu tố còn lại của kiến trúc thượng tầng như triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cũng có tác động đến cơ sở hạ tầng, nhưng mức độ, hình thức tác động đều do cho nhà nước, pháp luật chi phối.

Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng ở hai góc độ:

Thứ nhất: kiến trúc thượng tầng tìm mọi cách bảo vệ, duy trì, phát triển cơ sở hạ tầng mà trước hết là quan hệ sản xuất thống trị, sử dụng các biện pháp để xoá bỏ những tàn dư của cơ sở hạ tầng cũ, ngăn chặn sự ra đời của cơ sở hạ tầng mới (kể cả ở dạng mầm mống).

Thứ hai: kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng theo hai chiều. Nếu kiến trúc thượng tầng tác động phù hợp với các qui luật kinh tế khách quan thì nó là

hội là mặt vật chất xã hội. Mỗi giai đoạn phát triển của loài người có một đời sống vật chất riêng - một tồn tại xã hội riêng. Mặt khác, các yếu tố của tồn tại xã hội thường xuyên thay đổi nên tồn tại xã hội có tính lịch sử.

** Khái niệm ý thức xã hội và cấu trúc của ý thức xã hội:*

- Khái niệm *Ý thức xã hội* dùng để chỉ phương diện sinh hoạt tinh thần của đời sống xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.

Ý thức cá nhân là thể giới tinh thần của những con người riêng biệt cụ thể, phản ánh những điều kiện vật chất trong đời sống riêng của những con người riêng biệt, cụ thể. *Ý thức xã hội và ý thức cá nhân* tồn tại trong mối liên hệ hữu cơ biện chứng, xâm nhập vào nhau và làm phong phú lẫn nhau. Mối quan hệ này là phản ánh mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Trong mỗi con người vừa có ý thức xã hội, vừa có ý thức cá nhân.

- Cấu trúc của ý thức xã hội: Ý thức xã hội là lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội nên có cấu trúc rất phức tạp bao gồm:

+ *Theo nội dung và lĩnh vực phản ánh của đời sống xã hội:* Ý thức xã hội bao gồm ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức thẩm mỹ, ý thức khoa học....

+ *Theo trình độ phản ánh của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội:* Có ý thức xã hội thông thường và ý thức xã hội lý luận

Ý thức xã hội thông thường là những tri thức, những quan niệm của con người hình thành một cách trực tiếp trong hoạt động thực tiễn hàng ngày, chưa được hệ thống hoá, khái quát hóa.

Ý thức xã hội lý luận là những tư tưởng, quan điểm được hệ thống hoá, khái quát hoá thành các học thuyết xã hội, được trình bày dưới dạng những khái niệm, phạm trù, qui luật.

Ý thức xã hội thông thường tuy trình độ thấp hơn so với ý thức lý luận nhưng ý thức xã hội thông thường phản ánh sinh động, trực tiếp nhiều mặt cuộc sống hàng ngày của con người, thường xuyên chi phối cuộc sống đó. Ý thức xã hội thông thường là tiền đề quan trọng cho sự hình thành của học thuyết khoa học.

Ý thức lý luận (lý luận khoa học) có khả năng phản ánh khái quát, sâu sắc, chính xác, nó có khả năng vạch ra mối quan hệ bản chất của sự vật trong tồn tại xã hội.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã chứng minh rằng: đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở đời sống vật chất; không thể tìm nguồn gốc của tư tưởng, tâm lý xã hội trong đầu óc con người mà phải tìm trong chính hiện thực vật chất. Sự biến đổi của một thời đại nào đó cũng sẽ không giải thích được nếu chỉ căn cứ vào ý thức thời đại đó. Các Mác viết: “Không thể nhận định được về một thời đại đảo lộn như thế, căn cứ vào ý thức của thời đại đó. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất ấy.”¹

Chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng đã chỉ rõ rằng: tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, phụ thuộc vào tồn tại xã hội. Nghĩa là tồn tại xã hội quyết định nội dung phản ánh của ý thức xã hội. Khi tồn tại xã hội thay đổi, nhất là phương thức sản xuất thay đổi thì những tư tưởng và lý luận xã hội, những quan điểm về chính trị pháp quyền, triết học, đạo đức, văn hóa nghệ thuật... sớm hay muộn cũng thay đổi theo. Cho nên chúng ta thấy ở những thời kỳ lịch sử khác nhau có những quan điểm, lý luận, tư tưởng xã hội khác nhau thì đó chính là do những điều kiện khác nhau của đời sống vật chất quyết định. Điều đó chứng tỏ: “Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ, trái lại tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ.”²

Quan điểm duy vật lịch sử còn chỉ ra rằng: tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, không phải một cách đơn giản, trực tiếp mà thường thông qua các khâu trung gian. Không phải bất cứ tư tưởng quan niệm, lý luận hình thái ý thức xã hội nào cũng phản ánh rõ ràng và trực tiếp những quan hệ kinh tế của thời đại, chỉ khi nào xét đến cùng thì mới thấy rõ những mối quan hệ kinh tế được phản ánh bằng cách này hay cách khác trong các tư tưởng ấy.

3.3.3. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

Khi khẳng định vai trò quyết định của tồn tại xã hội với ý thức xã hội, còn ý thức xã hội là phản ánh tồn tại xã hội phụ thuộc vào tồn tại xã hội, triết học Mác Lênin không xem ý thức xã hội như một yếu tố hoàn toàn thụ động mà trái lại còn nhấn mạnh sự tác động tích cực trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội, nhấn mạnh tính độc

¹ Các Mác và Ph. Ăng ghen toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1993, t.13, tr.15

² V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.1981,t.13, tr. 15.

lập tương đối của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội được thể hiện trên những điểm sau.

- Thứ nhất là ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội.

Nhiều xã hội cũ mất đi nhưng ý thức xã hội do nó sinh ra vẫn có thể tồn tại rất lâu dài, (thể hiện rõ trong lĩnh vực tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội)

Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội do những nguyên nhân sau:

Một là, theo nguyên lý phản ánh của Lênin: ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội nên nó chỉ biến đổi sau khi có sự biến đổi của tồn tại xã hội. Hơn nữa sự biến đổi của tồn tại xã hội do tác động thường xuyên mạnh mẽ và trực tiếp của những hoạt động thực tiễn của con người, nên nó thường diễn ra với tốc độ rất nhanh mà ý thức xã hội có thể không phản ánh kịp và trở nên lạc hậu.

Hai là, do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu, bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội.

Ba là, ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những nhóm, những tập đoàn người, những giai cấp nhất định trong xã hội. Vì vậy, những tư tưởng cũ lạc hậu thường được các lực lượng xã hội phản tiến bộ lưu giữ và truyền bá chống lại các lực lượng xã hội tiến bộ.

- Thứ hai là ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khi khẳng định tính lạc hậu của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội thì đồng thời thừa nhận rằng trong những điều kiện nhất định, tư tưởng của con người, đặc biệt là những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội. Tư tưởng đó có thể dự báo được tương lai, có tác dụng chỉ đạo, tổ chức hoạt động thực tiễn của con người, hướng hoạt động của con người vào giải quyết những nhiệm vụ mới do sự chín muồi của đời sống vật chất tạo ra. Tuy nhiên, suy đến cùng, khả năng vượt trước của ý thức xã hội vẫn phụ thuộc vào tồn tại xã hội

- Thứ ba là ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển.

Lịch sử phát triển đời sống tinh thần của xã hội cho thấy rằng những quan điểm lý luận của mỗi thời đại không nảy sinh trên mặt đất trống không mà được tạo ra trên cơ sở kế thừa những thành tựu lý luận của các thời đại trước.

Do tính kế thừa của ý thức xã hội, nên không thể giải thích được một tư tưởng nào đó nếu chỉ dựa vào những quan hệ kinh tế hiện có, không chú ý đến các giai đoạn phát triển tư tưởng trước đó. Lịch sử phát triển của tư tưởng nhân loại cho thấy: những

thức xã hội mà còn bác bỏ quan điểm duy vật tầm thường phủ nhận vai trò tích cực của ý thức xã hội trong đời sống xã hội. Ph. Ăng ghen đã khẳng định “*Sự phát triển về mặt chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật... đều dựa vào sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế.*”¹

Mức độ ảnh hưởng của tư tưởng đối với sự phát triển của xã hội phụ thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể; vào tính chất các mối quan hệ kinh tế mà trên đó tư tưởng nảy sinh; vào vai trò lịch sử của giai cấp mang ngọn cờ tư tưởng; vào mức độ phản ánh đúng đắn của tư tưởng đối với các nhu cầu phát triển xã hội; vào mức độ thâm nhập của tư tưởng đó vào quần chúng. v.v... Vì vậy cần phân biệt vai trò của ý thức tư tưởng tiến bộ và ý thức của tư tưởng phản tiến bộ đối với sự phát triển của xã hội.

Như vậy, nguyên lý của triết học Mác Lênin về tính độc lập tương đối của ý thức xã hội chỉ ra bức tranh phức tạp của lịch sử phát triển của ý thức xã hội và của đời sống tinh thần xã hội nói chung. Nó bác bỏ mọi quan điểm siêu hình, máy móc tầm thường về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Đây cũng là cơ sở lý luận để quán triệt quan điểm của Đảng ta trong việc kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng nền văn hóa mới, và con người mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

3.4. HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ – TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

3.4.3. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội.

Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử để chỉ xã hội ở từng giai đoạn phát triển lịch sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

Hình thái kinh tế - xã hội có cấu trúc phức tạp, mỗi yếu tố có vị trí, chức năng riêng và luôn tác động qua lại lẫn nhau. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội gồm ba mặt cơ bản:

¹Các Mác và Ph. Ăng ghen toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1990, t.1, tr.271

Lực lượng sản xuất: là nền tảng vật chất kỹ thuật của mỗi hình thái kinh tế xã hội, là yếu tố suy đến cùng quyết định sự hình thành và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

Quan hệ sản xuất là những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả những quan hệ xã hội khác, là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt xã hội này với xã hội khác.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tạo thành cơ sở kinh tế của xã hội mà trên đó dựng lên một hệ thống kiến trúc thượng tầng của hình thái kinh tế xã hội. Cấu trúc đó được gọi là hình thái kinh tế - xã hội.

Ngoài các mặt cơ bản của xã hội đã nêu trên, các hình thái kinh tế - xã hội còn có các quan hệ khác như gia đình, dân tộc và các quan hệ xã hội khác. Các quan hệ đó gắn bó chặt chẽ với quan hệ sản xuất, biến đổi dưới sự tác động của các quan hệ sản xuất.

3.4.4. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

Lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao. Sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tuân theo những qui luật khách quan vốn có của nó. Từ việc phát hiện ra các qui luật vận động khách quan của xã hội, C. Mác đã đi đến kết luận: “*Sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử, tự nhiên*”.¹ Thực chất điều khẳng định trên là làm rõ con đường và cơ chế vận hành của hình thái kinh tế - xã hội. Cụ thể:

Một là: Sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội tuân theo những quy luật khách quan của nó, trước hết đó là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và quy luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng.

Hai là: Quá trình lịch sử tự nhiên của hình thái kinh tế - xã hội có nguồn gốc sâu xa từ sự phát triển thường xuyên, liên tục của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất được tạo ra bởi năng lực thực tiễn của con người. Năng lực của con người trong chinh phục tự nhiên cũng bị qui định bởi điều kiện khách quan nhất định. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất đã làm thay đổi quan hệ sản xuất. Đến lượt mình, khi quan hệ sản xuất thay đổi sẽ làm kéo theo sự thay thế của kiến trúc thượng tầng. Do đó tất cả các yếu tố của hình thái kinh tế xã hội đã thay đổi dẫn đến hình thái kinh tế - xã

¹ Các Mác và Ph. Ăng ghen toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1993, t.23, tr. 21.

hội cũ mất đi thay vào đó là hình thái kinh tế - xã hội mới tiến bộ hơn. Quá trình đó diễn ra một cách khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.

Lênin đã từng khẳng định: “Chỉ có đem qui những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”¹.

Ba là, con đường vận động phát triển chung của nhân loại là sự tác động của các qui luật khách quan làm cho các hình thái kinh tế - xã hội phát triển, thay thế lẫn nhau từ thấp đến cao. Với mỗi dân tộc, con đường phát triển không chỉ bị chi phối bởi các qui luật chung mà còn bị tác động bởi các điều kiện riêng về đặc điểm lịch sử, điều kiện tự nhiên, về chính trị và truyền thống văn hoá của dân tộc đó. Chính vì vậy lịch sử phát triển của nhân loại hết sức phong phú, đa dạng. Có những dân tộc phát triển lần lượt trải qua các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, nhưng cũng có những dân tộc trong những điều kiện lịch sử nhất định lại phát triển theo con đường bỏ qua một hoặc vài hình thái kinh tế - xã hội nhưng vẫn hợp qui luật phát triển.

Như vậy, quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển xã hội chẳng những diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự, mà còn bao hàm cả sự bỏ qua, trong những điều kiện nhất định, một hoặc vài hình thái kinh tế xã hội để tiến lên hình thái kinh tế xã hội cao hơn.

3.4.5. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác có một giá trị to lớn và bền vững trong việc nhận thức về xã hội. Trước khi triết học Mác ra đời, chủ nghĩa duy tâm thống trị trong khoa học xã hội. Các nhà triết học thực chất không hiểu được qui luật của sự phát triển xã hội. Từ đó không giải quyết một cách triệt để về phân loại các chế độ xã hội và phân kỳ lịch sử. Sự ra đời của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về xã hội. Nó đưa lại một phương pháp nghiên cứu thật sự khoa học.

Thứ nhất: theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội động lực của lịch sử không phải do một lực lượng thần bí hay do ý thức tư tưởng quyết định mà là sản xuất vật chất. Sản xuất vật chất chính là cơ sở của đời sống xã hội “...Trước hết con người cần phải ăn, uống, ở

¹ VI Lênin toàn tập, NXB tiến bộ Mátxcova, 1974, t. 1, tr. 163

và mặc nghĩa là phải lao động, trước khi có thể đấu tranh giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học”¹. Chừng nào sự thật đó còn tồn tại thì chừng đó quan niệm của Mác còn có giá trị.

Thứ hai: Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội chỉ rõ xã hội tồn tại được phải có quan hệ giữa người với người. Trong các quan hệ xã hội đó, quan hệ xã hội vật chất, tức là quan hệ sản xuất là quan hệ cơ bản, quyết định các quan hệ xã hội khác. Quan hệ sản xuất trở thành tiêu chuẩn cơ bản, khách quan để phân biệt các chế độ xã hội.

Thứ ba: Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội cung cấp cơ sở khách quan để nghiên cứu xã hội: sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên, điều đó cho thấy các hình thái kinh tế - xã hội vận động theo những qui luật khách quan vốn có của nó chứ không phải tuân theo ý muốn của con người. Chính vì vậy nó đem đến cho con người phương pháp nhận thức đúng về xã hội, đó là đi từ nhận thức các qui luật vận động phát triển khách quan của xã hội loài người để giải thích về các hiện tượng xã hội, gắn với một hình thái kinh tế - xã hội cụ thể.

3.4.4. Vận dụng học thuyết kinh tế - xã hội vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Việc lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Khủng hoảng ở Liên Xô trước đây đã giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội, cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đang tạo ra những tiền đề về vật chất để thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.

Ở nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua con đường tư bản chủ nghĩa là đúng quy luật. Thực tế một số nước trên thế giới như Italia, Pháp, Tây Ban Nha chế độ phong kiến bắt đầu hình thành trong lòng chế độ chiếm hữu nô lệ. Nga, Ba Lan, Đức chế độ phong kiến ra đời không phải từ xã hội chiếm hữu nô lệ...

- Vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, Đảng ta khẳng định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam - là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng của Đảng.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn phức tạp nên chúng ta phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với một chặng đường nhiều hình thức tổ chức kinh tế xã hội có tính chất quá độ.

¹ Các Mác và Ph.Ăng ghen toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, t. 19, tr.166.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kì quá độ và phù hợp quy luật khách quan ở nước ta.

Tất cả các nước đều phải xây dựng và phát triển kinh tế thị trường. Tuy nhiên trong chế độ xã hội khác nhau kinh tế thị trường được sử dụng với mục đích khác nhau. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế Nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của chế độ xã hội mới.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đó là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta - muốn Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải chú ý đến phát huy nguồn lực trí tuệ, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chỉ thực sự thành công chừng nào thực hiện thành công sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3.5. VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a. Khái niệm giai cấp và tầng lớp xã hội

- Trong tác phẩm *Sáng kiến vĩ đại*, Lênin đã đưa ra: *Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải ít hoặc nhiều mà họ được hưởng, giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế - xã hội nhất định.*

Từ định nghĩa trên, thực chất của sự phân hóa những con người trong một cộng đồng xã hội thành các giai cấp khác nhau, đối lập nhau là do khác nhau, sự đối lập về địa vị giữa các tập đoàn người trên ba phương diện chủ yếu:

+ *Về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất:* Giai cấp thống trị trong hệ thống sản xuất,

họ nắm phương tiện vật chất, chi phối lao động của các tập đoàn không có hoặc rất ít tư liệu sản xuất.

+ *Về vai trò trong tổ chức quản lý sản xuất:* Giai cấp nắm tư liệu sản xuất sẽ giữ vai trò tổ chức và quản lý sản xuất.

+ *Về phân phối sản phẩm:* Giai cấp nào làm chủ tư liệu sản xuất, tổ chức lãnh đạo sản xuất, sẽ chiếm đoạt lao động thặng dư của các giai cấp lao động.

Thực tế lịch sử chứng minh: giai cấp nào nắm được tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì đồng thời có khả năng chiếm được địa vị làm chủ quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước, do đó có khả năng khách quan trở thành giai cấp thống trị xã hội.

Tóm lại, bản chất của quan hệ giai cấp là sự khác nhau giữa các tập đoàn người về địa vị trong hệ thống sản xuất xã hội, dẫn đến tập đoàn người này chiếm đoạt lao động của tập đoàn người khác. Giai cấp là một phạm trù kinh tế - xã hội có tính lịch sử.

Để phân tích và xử lý chính xác những vấn đề về kết cấu chính trị - xã hội chúng ta cần hiểu khái niệm *Tầng lớp xã hội:* là khái niệm thường được sử dụng để chỉ sự phân tầng, phân lớp, phân nhóm giữa những con người trong cùng một giai cấp theo địa vị và sự khác biệt cụ thể của họ trong giai cấp đó. Khái niệm này còn được dùng để chỉ những nhóm người ngoài kết cấu các giai cấp trong một xã hội nhất định: tầng lớp công chức, trí thức, tiểu nông,...

b. Nguồn gốc giai cấp

- *Nguồn gốc trực tiếp:* do sự ra đời và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất dẫn đến sự khác nhau về địa vị của các tập đoàn người trong hệ thống sản xuất nhất định của xã hội, nảy sinh khả năng tập đoàn này chiếm đoạt lao động thặng dư của tập đoàn khác.

- *Nguồn gốc sâu xa:* từ sự phát triển của lực lượng sản xuất làm năng xuất lao động tăng lên, xuất hiện sự dư thừa của cải tương đối của xã hội, Trong điều kiện ấy, những người có quyền lợi trong thị tộc, bộ lạc chiếm đoạt tài sản của công xã thành của riêng, nắm quyền phân công lao động và phân phối sản phẩm, trở thành giai cấp thống trị đầu tiên. Đó là giai cấp chủ nô

c. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

Đấu tranh giai cấp và các hình thức đấu tranh giai cấp.

- Khái niệm đấu tranh giai cấp:

V.I.Lênin chỉ rõ: *Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của một bộ phận nhân dân này chống lại một bộ phận khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động, chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám, cuộc đấu tranh của những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản.*

- *Nguyên nhân của đấu tranh giai cấp.*

Nguyên nhân khách quan: từ chính sự phát triển thường xuyên liên tục của lực lượng sản xuất. Khi lực lượng sản xuất đạt tới trình độ xã hội hoá ngày càng cao, mâu thuẫn với quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu tư nhân tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn đó ngày càng phát triển. Để lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển cần phải xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, thay vào đó là quan hệ sản xuất tiến bộ hơn.

Nguyên nhân chủ quan : Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện về phương diện xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp bị trị và giai cấp thống trị. Đó là mâu thuẫn giữa một bên là giai cấp tiến bộ cách mạng, đại diện cho phương thức sản xuất mới với một bên là giai cấp thống trị, bóc lột đại biểu cho những lợi ích gắn với quan hệ sản xuất, phương thức sản xuất lỗi thời, lạc hậu. Đó chính là mâu thuẫn giữa hai giai cấp cơ bản đối lập trong một phương thức, không thể điều hoà được vì lợi ích kinh tế cơ bản đối lập nhau . Do đó, đấu tranh giai cấp là tất yếu.

Thực chất của đấu tranh giai cấp là cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn người có lợi ích căn bản đối lập nhau không thể điều hoà được.

- *Ba hình thức cơ bản của đấu tranh giai cấp:* Đấu tranh kinh tế, đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chính trị.

Cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đối kháng lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử xã hội dẫn tới nguy cơ chẳng những các giai cấp đó tiêu diệt lẫn nhau mà còn tiêu diệt luôn cả xã hội. Để thảm hoạ đó không diễn ra, một cơ quan quyền lực đặc biệt đã ra đời, đó là nhà nước. như vậy, bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào, về mặt khách quan, những mâu thuẫn của giai cấp không thể điều hoà được thì ở đó nhà nước xuất hiện. Ngược lại khi nhà nước tồn tại cũng chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hoà. Không có nhà nước, một tổ chức bạo lực chuyên được dùng để trấn áp thì giai cấp thống trị không thể duy trì được ách áp bức, bóc lột của mình đối với giai cấp bị trị. Rõ ràng, nhà nước ra đời là một tất yếu khách quan để làm “dịu” sự xung đột giai cấp, làm cho sự xung đột ấy diễn ra trong vòng “trật tự” để duy trì chế độ

lực lượng sản xuất phát triển và sự phát triển toàn diện của xã hội nói chung.

+ Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp không chỉ thể hiện trong thời kỳ cách mạng xã hội, mà còn trong thời kỳ chưa diễn ra cách mạng xã hội, *chẳng hạn*: đấu tranh của công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm buộc giới chủ phải cải tiến khoa học công nghệ, rút ngắn thời gian lao động cần thiết, ... nhờ đó mà tăng năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất.

+ Trong thời đại ngày nay, trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học công nghệ, chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh để thích nghi và phát triển, nhưng đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vẫn tiếp tục phát triển.

Chủ nghĩa Mác - Lênin coi đấu tranh giai cấp là đỉnh cao của cách mạng xã hội, là đòn bẩy để thay đổi hình thái kinh tế - xã hội, là động lực trực tiếp của lịch sử.

3.5.2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

a. Khái niệm cách mạng xã hội và nguyên nhân của nó

- *Theo nghĩa rộng*: Cách mạng xã hội là sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, là phương thức thay thế hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời bằng hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

- *Theo nghĩa hẹp*: Cách mạng xã hội là việc lật đổ một chế độ chính trị đã lỗi thời thiết lập một chế độ chính trị tiến bộ hơn.

Dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội vẫn là vấn đề chính quyền. Nó chỉ rõ chính quyền nhà nước nằm trong tay của giai cấp nào. Giai cấp cách mạng phải giành chính quyền mới xác lập được nền chuyên chính của mình, tiến tới đảm bảo quyền lực của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cách mạng xã hội khác với cải cách xã hội: cải cách xã hội chỉ tạo nên những biến đổi riêng lẻ, bộ phận trong khuôn khổ chế độ xã hội đang tồn tại. Khái niệm *Đảo chính* là thủ đoạn giành quyền lực nhà nước bởi một cá nhân hoặc một nhóm người nhằm xác lập chế độ xã hội có cùng bản chất (có thể tiến bộ hoặc thoái bộ hơn). Đó chính là hành động “thay ngựa giữa dòng”. Nó không phải là phong trào cách mạng của quần chúng.

trường sống xung quanh. Về mặt này, con người phải tuân theo các quy luật của tự nhiên, sinh học. Ngược lại, sự biến đổi và hoạt động của con người luôn tác động trở lại môi trường tự nhiên.

- *Bản tính xã hội của con người (mặt xã hội) :*

Yếu tố quyết định hình thành con người không chỉ có nguồn gốc tự nhiên, mà chủ yếu là nguồn gốc xã hội, trước hết và cơ bản nhất là nhân tố lao động. Lao động là yếu tố hình thành bản chất xã hội của con người, hình thành nhân cách ở con người

Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người luôn bị chi phối bởi các quan hệ xã hội và quy luật xã hội. Xã hội biến đổi thì mỗi con người cũng có sự thay đổi tương ứng

Con người tồn tại và phát triển trong tính toàn vẹn thống nhất của hai quá trình sinh học và xã hội. Mặt sinh học là tiền đề, điều kiện của mặt xã hội. Thiếu mặt sinh học, mặt xã hội không thể biểu hiện ra được. Song mặt sinh học trong con người bị biến đổi đi bởi mặt xã hội. Khi con người ra đời, mặt xã hội giữ vai trò quyết định, chế ước mặt sinh học và quyết định bản chất con người.

b. Bản chất con người

Triết học Mác – Lênin nhấn mạnh bản chất xã hội của con người. Mác khẳng định: “*Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội*” (Luận cương về Phobách).

Con người vừa là một chỉnh thể đơn nhất, vừa mang những phẩm chất của hệ thống các quan hệ xã hội. Đó là một hệ thống năng động, phát triển thống nhất giữa cái chung, cái đặc thù và cái riêng. Trước hết con người là một nhân cách mang đặc trưng chung, đại biểu cho nhân loại. Thuộc tính chung nhất và cao nhất của con người là sáng tạo. Con người mang những phẩm chất đặc thù đại biểu cho một xã hội lịch sử - cụ thể, đại biểu cho một dân tộc, giai cấp, tập đoàn xã hội, tập thể, nhóm xã hội, gia đình... Những phẩm chất xã hội của con người mang dấu ấn của một thời đại lịch sử và những quan hệ xã hội cụ thể. C.Mác nói: “*Con người là một thực thể xã hội mang tính cá nhân*”.

Con người là sản phẩm của những điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đồng thời là chủ thể tác động tích cực trở lại làm biến đổi hoàn cảnh lịch sử đó. Bản chất con người không phải hình thành một lần là xong, là hoàn thiện, kết thúc mà là một quá trình phát triển không ngừng cùng với quá trình hoàn thiện khả năng tồn tại của mình trước hoàn cảnh vận động.

Ý nghĩa :

- Khi xem xét đánh giá bản chất con người phải toàn diện, nhiều chiều, chủ yếu qua các mối quan hệ xã hội của họ.

- Xây dựng bản chất con người là thường xuyên liên tục cùng với giải quyết tốt vấn đề tồn tại xã hội và các quan hệ xã hội khác.

- Muốn giải phóng con người, phát huy khả năng sáng tạo của họ, cần phải hướng vào giải phóng những quan hệ kinh tế- xã hội đang nô dịch họ.

3.6.2. Quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

a. Quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định.

Những lực lượng cơ bản tạo thành cộng đồng quần chúng nhân dân:

Thứ nhất, những người lao động ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần, đóng vai trò là hạt nhân cơ bản của quần chúng nhân dân. Như vậy quần chúng nhân dân có số lượng đông đảo.

Thứ hai, những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột, đối kháng với nhân dân.

Thứ ba, những giai cấp, những tầng lớp xã hội thúc đẩy sự tiến bộ xã hội thông qua các hoạt động của mình, trực tiếp hoặc gián tiếp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Rõ ràng, quần chúng nhân dân là một phạm trù lịch sử, vận động, biến đổi theo sự phát triển của lịch sử xã hội.

b. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

- *Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử và là lực lượng quyết định sự phát triển lịch sử.* Vai trò quyết định đối với tiến trình lịch sử của quần chúng nhân dân được xem xét trên 3 góc độ sau:

Thứ nhất, quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định trong sản xuất ra của cải vật chất, đảm bảo cho xã hội tồn tại, phát triển.

Vì sản xuất vật chất là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, mà quần chúng nhân dân là lực lượng cơ bản để tiến hành sản xuất vật chất, làm cho lực lượng sản xuất phát triển.

Thứ hai, quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần. Vì quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra đời sống vật chất thì cũng quyết định đời sống tinh thần của xã hội. Triết học Mác không phủ nhận vai trò của các danh nhân văn hóa, nhưng khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của khoa học nghệ thuật, văn học đồng thời áp dụng những thành tựu đó vào thực tiễn. Những sáng tạo về văn học, nghệ thuật, khoa học, y học, quân sự, kinh tế, chính trị, đạo đức... của nhân dân vừa là cội nguồn, vừa là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của nền văn hóa tinh thần của các dân tộc trong mọi thời đại. Hoạt động của quần chúng nhân dân từ trong thực tiễn là nguồn cảm hứng vô tận cho mọi sáng tạo tinh thần trong đời sống xã hội. Mặt khác, các giá trị văn hóa chỉ có thể được trường tồn khi được đông đảo quần chúng nhân dân chấp nhận, truyền bá sâu rộng và gìn giữ để trở thành giá trị phổ biến.

Thứ ba, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, không có cuộc chuyển biến cách mạng nào mà không là hoạt động đông đảo của quần chúng nhân dân. Họ là lực lượng cơ bản của cách mạng, đóng vai trò quyết định thắng lợi của mọi cuộc cách mạng.

Tóm lại, từ hoạt động sản xuất vật chất đến hoạt động tinh thần, từ lĩnh vực kinh tế đến chính trị, quần chúng nhân dân luôn đóng vai trò quyết định trong lịch sử. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện lịch sử mà vai trò chủ thể của quần chúng nhân dân cũng biểu hiện khác nhau.

- Vai trò của cá nhân – lãnh tụ trong lịch sử

Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân không bao giờ có thể tách rời vai trò cụ thể của mỗi cá nhân mà đặc biệt là vai trò của các cá nhân ở vị trí thủ lĩnh, lãnh tụ hay ở tầm vĩ nhân của cộng đồng nhân dân

Khái niệm cá nhân dùng để chỉ mỗi con người cụ thể sống trong một cộng đồng nhất định và được phân biệt với con người khác thông qua tính đơn nhất và tính phổ biến của nó.

Cá nhân lãnh tụ là những cá nhân kiệt xuất, trưởng thành từ phong trào của quần chúng, nắm bắt được những vấn đề căn bản nhất trong một lĩnh vực nhất định của hoạt động thực tiễn và lý luận. Đó là những cá nhân kiệt xuất trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, nghệ thuật.

Để trở thành lãnh tụ, đòi hỏi phải là người có phẩm chất cơ bản sau;

Một là, có tri thức khoa học uyên bác, nắm bắt được xu thế vận động của dân tộc, quốc tế và thời đại.

Hai là, có năng lực tập hợp quần chúng nhân dân, thống nhất ý chí và hành động của quần chúng nhân dân vào nhiệm vụ dân tộc, quốc tế và thời đại.

Ba là, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, hy sinh vì lợi ích của dân tộc, quốc tế thời đại.

Ở những giai đoạn lịch sử khác nhau, dân tộc khác nhau, thời kỳ khác nhau khi lịch sử đặt ra những nhiệm vụ cần giải quyết thì tất yếu sẽ xuất hiện những lãnh tụ từ phong trào quần chúng nhân dân, đáp ứng với yêu cầu của lịch sử. Lênin viết “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị nếu nó không đào tạo được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào”¹.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong quan hệ mật thiết với vai trò quan trọng không thể thiếu của cá nhân lãnh tụ đối với lịch sử. Bởi:

+ Cá nhân lãnh đạo là người nhận thức sâu sắc quy luật khách quan của xã hội, giác ngộ, tổ chức quần chúng hành động phù hợp với tiến trình lịch sử.

+ Nhờ có vai trò của cá nhân lãnh tụ mà trí tuệ, nguyện vọng của quần chúng được đúc kết lại, định hướng và tổ chức hoạt động thống nhất, tạo nên sức mạnh có hiệu quả to lớn thúc đẩy lịch sử phát triển.

+ Nhờ có vai trò của lãnh tụ mà quần chúng chuyển hoạt động từ tự phát sang tự giác, từ kinh nghiệm sang khoa học, từ phân tán sang tổ chức thống nhất, từ đáp ứng nhu cầu hàng ngày, riêng lẻ sang khả năng giải quyết những nhiệm vụ to lớn của tiến bộ xã hội. Lịch sử xã hội sẽ phát triển tuân theo những quy luật khách quan, nhưng nó mang theo dấu ấn của cá nhân lãnh tụ về sắc thái, tốc độ, bước đi, hình thức phát triển.

+ Vai trò cá nhân lãnh tụ đặc biệt quan trọng trong những bước ngoặt của lịch sử, tranh thủ

¹ V.I Lênin toàn tập, NXB Tiến bộ Mátxcova, 1987, tập 4, trang 473

C. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

Câu 1: Sản xuất vật chất và phương thức sản xuất có vai trò như thế nào đối với sự vận động và phát triển của xã hội?

Câu 2: Hãy phân tích nội dung quy luật *Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*.

Câu 3: Từ nội dung quy luật *Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất* hãy rút ra và phân tích ý nghĩa phương pháp luận của quy luật này.

Câu 4: Hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Từ đó hãy rút ra ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ này và vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Câu 5: Hãy phân tích mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội và sự vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Câu 6: Hãy phân tích giá trị của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng học thuyết vào thực tiễn Việt Nam.

Câu 7: Hãy phân tích vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp và liên hệ với thực tiễn Việt Nam.

Câu 8: Hãy phân tích vai trò của cách mạng xã hội đối với sự phát triển của xã hội.

Câu 9: Hãy phân tích quan điểm của C.Mác về con người và bản chất con người.

Câu 10: Hãy phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: *Quần chúng nhân dân là lực lượng sáng tạo chân chính ra lịch sử?*

Một số vấn đề thảo luận:

1. Liên hệ nội dung quy luật *Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất* với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

2. Từ mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, phân tích ý nghĩa của việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

3. Vai trò của nhân tố con người trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

Tài liệu học tập :

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính Trị Quốc Gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hồng Vân, Phạm Minh Ái (2016), Tập bài giảng *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 1)*, Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông.
3. Nguyễn Thị Hồng Vân, Phạm Thành Hưng (2011), Bài giảng môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (I)*, Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông.
4. Nguyễn Thị Hồng Vân, Đỗ Minh Sơn (2006), *Hướng dẫn học tập môn Triết học Mác-Lênin*, Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông.
5. Đề cương môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Phần I)* (soạn theo học chế tín chỉ) (2012), Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông.

Tài liệu tham khảo :

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. PGS.TS Nguyễn Thế Kiệt, PGS.TS Đỗ Thị Thạch, PGS.TS Nguyễn Thị Nga, PGS.TS Hoàng Thị Bích Loan, TS Vũ Thị Thỏ (2009) *Hỏi và đáp Những nguyên lý Cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (dành cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng), Nxb Chính trị - Hành chính.
3. Một số chuyên đề về *những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (tập I), 2008, Nxb Lý luận chính trị.
4. *Hỏi đáp về triết học Mác-Lênin*, 2008, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2008
5. *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (tài liệu phục vụ dạy và học chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), 2008, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
6. *Mác-Ăngghen: Toàn tập*, 1995, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. *V.I.Lênin: Toàn tập*, 1980, Nxb.Tiến bộ, Mátxcova.